TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **02**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 08- 01- 2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thúy Nga.

2. Ông Lê Hoàng Phúc.

-***Thư ký phiên tòa:***Ông Nguyễn Văn Hưng-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:***Ông Cao Quốc Thuận – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 375/2019/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 9 năm 2019,về việc tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 250/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 9/12/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 165/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/12/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*Lê Thị Thanh T, sinh năm 1995. Có mặt.

Nơi cư trú: Tổ 8, thôn 4, xã MP, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Trần Quang D, sinh năm 1991. Có mặt.

Nơi cư trú: Tổ 8, thôn 4, xã MP, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2019, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Lê Thị Thanh T trình bày: Chị Phạm Thị Thanh T và anh Trần Quang

D tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã MP, huyện Đ vào năm 2013. Quá trình chung sống anh D ăn chơi, không lo cho gia đình, vay tiền, bán xe để ăn chơi, chị T khuyên ngăn hết lời, nhưng anh D không không thay đổi, gần đây anh D còn ghen tuông vô cớ, xúc phạm cha, mẹ vợ; vợ chồng đã sống để anh D sửa chữa, nhưng vẫn không thay đổi. Nay chị T yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh D có 1 con chung: Trần Minh Huy, sinh ngày 12/3/2014 , nếu ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 01 tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung không tranh chấp.

-Tại bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn Trần quang D trình bày: Việc kết hôn và con anh D không ý kiến gì. Anh D cho rằng chuyện vợ chồng sống với nhau không có gì mâu thuẩn. Bản thân anh D còn yêu cầu thương vợ con, anh không muốn ly hôn. Vợ chồng có 01 con chung hiện nay do chị T nuôi. Trường hợp ly hôn anh đồng ý giao con cho chị T nuôi và anh D cấp dưỡng cho con 01 tháng là 1.000.000 đồng, bản thân anh làm nghề đóng la phong, thu nhập bình quân 01 tháng khoảng 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng. Tuy nhiên khi con được 7 tuổi anh D sẽ đưa con về nuôi.

Qua xác minh, Tòa án xác định được sau khi vợ chồng ở riêng thì anh D sa vào việc đánh bạc, tiền làm ra không đưa cho vợ, thậm chí anh D còn bán xe máy để lấy tiền đánh bạc. Do khuyên ngăn D không nghe, nên chị T sống ly thân và nuôi con gần 01 năm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Thẩm phán đã thụ lý hồ sơ vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp. Đối với Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật tố tụng dân sự đã quy định. Thư ký tuân thủ đúng pháp luật.

Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Hôn nhân giữa chị T và anh D là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẩn, đã sống ly thân nhau. Mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ Điều 51, 56, 82 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung giao cho chị T nuôi và anh D cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng là đảm bảo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:* Căn cứ vào nội dung, yêu cầu tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[2] *Về thẩm quyền:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân:* Hôn nhân giữa chị T và anh D là hôn nhân hợp pháp, vì có đăng ký kết hôn đúng quy định, nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa anh chị không còn hạnh phúc, nguyên nhân là do anh D không chịu lao động chăm lo cho gia đình mà chỉ ăn chơi phá tán tài sản, chị T đã khuyên can nhiều lần nhưng anh D không thay đổi, ngoài ra anh D còn ghen tuông; Tòa án đã tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ, nhưng không đạt kết quả, chị T vẫn cương quyết ly hôn. Qua kết quả xác minh, thấy rằng vợ chồng không còn chung sống hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung tên: Trần Minh H, sinh ngày 12/3/2014. Con do chị T nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay. Xét thấy hiện tại chị T có công việc làm và có sức khỏe, cháu H vẫn còn nhỏ. Hơn nữa chị T ở gần cha, mẹ nên được cha, mẹ phụ giúp trong việc chăm sóc con cho chị T. Anh D là đàn ông, hơn nữa công việc làm ở xa, nên khó nuôi con hơn. Do đó cần giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn , là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng: Xét thấy việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T là hợp lý. Vì con đều còn nhỏ, một mình chị T nuôi dưỡng sẽ gặp khó khăn, nên buộc anh D cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Xét thấy chị T yêu cầu cấp dưỡng 01 tháng 2.000.000 đồng là hơn cao so với thu nhập của anh D. Cần điều chỉnh mức 1.500.000 đồng / 01 tháng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, là phù hợp Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] *Về án phí:* Lê Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, Trần Quang D phải chịu án phí về cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Lê Thị Thanh T ly hôn anh Trần Quang D.

2. Về nuôi con sau khi ly hôn: Giao cho chị Lê Thị Thanh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con: Trần Minh H, sinh ngày 12/3/2014. Anh Trần Quang D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3.Về cấp dưỡng: Trần Quang D phải cấp dưỡng nuôi con: Trần Minh H, sinh ngày 12/3/2014, mỗi 01 tháng là 1.500.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 01/2020 cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Lê Thị Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Trần quang D chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Phần cấp dưỡng nuôi con có hiệu lực thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị, khiếu nại, kiến nghị.

4.Về án phí: Lê Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, theo biên lai thu tiền số 0003105 ngày 25/9/2019. Chị T đã nộp đủ án phí. Anh Trần Quang D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng. Trần Quang D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng.

5.Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/01/2020), để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận
TAND tỉnh
VKSND huyện
THADS huyện
Các đương sự
Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thái